| TÒA ÁN NHÂN DÂN<br>TỈNH THỪA THIÊN HUẾ | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM<br>Độc lập – Tự do – Hạnh phúc |
|---|---|

Bản án số: **39**/2022/HS-ST
Ngày: 27 – 4 – 2022.

# NHÂN DANH
# NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

## TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hưng Bính.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Dương Tuấn Anh và bà Hoàng Nữ Hảo Tâm.

- *Thư ký phiên toà:* Bà Nguyễn Huyền Diệu Hằng, Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa:* Ông Trần Đăng Quang – Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 03/2022/TLST-HS ngày 14 tháng 01 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2022/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 4 năm 2022, đối với bị cáo:

**Nguyễn Duy Đ**; Sinh ngày 10/7/1997 tại tỉnh Thừa Thiên Huế; Nơi cư trú: Tổ 6, phường L, thị xã T, tỉnh Thừa Thiên Huế; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 10/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Duy H, sinh năm 1973 và bà Nguyễn Thị Hồng T, sinh năm 1975; Vợ, con: Chưa có; tiền sự: Không; tiền án: 02 (Ngày 29/01/2018, bị Tòa án nhân dân thị xã T xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo bản án số 05/2018/HS-ST; Ngày 17/3/2020, bị Tòa án nhân dân thị xã T xử phạt 01 năm tù về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" theo bản án số 12/2020/HS-ST). Ngày 13/11/2020 chấp hành xong hình phạt tù.

*Về nhân thân:*

- Ngày 05/01/2017, bị Công an thị xã T xử phạt hành chính số tiền 1.500.000 đồng do có hành vi chiếm đoạt tài sản.

- Ngày 12/11/2019, bị Công an thị xã T xử phạt hành chính số tiền 2.500.000 đồng do có hành vi đánh người gây thương tích.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 15/10/2021 cho đến nay; có mặt.

- *Bị hại:*

1. Anh Nguyễn Đức L, sinh năm 1998; Trú tại: Thôn V, xã P, huyện V, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

2. Chị Nguyễn Thị Mỹ H1, sinh năm 1991; Trú tại: Thôn Đ, xã T1, thị xã T, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1991; trú tại: Kiệt 74 đường H, phường D, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

2. Anh Nguyễn Đình T1, sinh năm 2004; trú tại: Tổ 10, phường C, thị xã T, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

3. Ông Nguyễn Đức G, sinh năm 1969; Trú tại: Thôn V, xã P, huyện V, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Anh Võ Văn B, sinh năm 1992;

2. Anh Phạm Văn C, sinh năm 1983;

Cùng trú tại: Kiệt 74 Đường H, phường D, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Đều vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 21/4/2021 và ngày 13/8/2021, Nguyễn Duy Đ đã có hành vi mượn tài sản của người khác, sau đó nảy sinh ý định chiếm đoạt, đem cầm cố lấy tiền sử dụng vào mục đích cá nhân; cụ thể như sau:

**Vụ thứ nhất**: Khoảng 17 giờ, ngày 21/4/2021 tại quán C, thuộc phường L, thị xã T, tỉnh Thừa Thiên Huế, Nguyễn Duy Đ mượn của anh Nguyễn Đức L xe mô tô Honda Wave RSX biển kiểm soát 75H1-141.65 (xe của ông Nguyễn Đức G, bố của anh L) điều khiển đến chơi tại nhà của Võ Văn B tại kiệt 74 Đường H, phường D, thành phố H. Tại nhà anh B, Đ chơi game thua hết tiền nên nảy sinh ý định đem xe mô tô 75H1-141.65 đi cầm cố để có tiền tiếp tục chơi game. Đ gặp anh Phạm Văn C và nhờ anh C mang xe mô tô trên đi cầm giúp vài ngày sau Đ sẽ chuộc lại. Để anh C tin và đem xe đi cầm giúp, Đ đã nói dối xe của bố Đ nên giấy tờ xe bố Đ đang giữ. Tin lời, anh C đã đem xe mô tô 75H1-141.65 đi cầm với số tiền 3.000.000 đồng cho anh Cái Văn P (Sinh năm 1993, trú tại Lô A15, KV6, Phường P1, TP H) và đưa số tiền này cho Đ sử dụng vào mục đích cá nhân.

Tại bản kết luận định giá số 39/KL-HĐĐGTS ngày 20/5/2021, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã T kết luận: xe mô tô Honda Wave RSX màu đỏ đen xám, biển kiểm soát 75H1-141.65 tại thời điểm bị chiếm đoạt có giá trị 7.407.000 đồng.

**Vụ thứ 2**: Tối ngày 13/8/2021, Đ chạy xe mô tô đến cầu P thuộc Tổ dân phố T, thị trấn Đ, huyện V thì gặp chị Nguyễn Thị Mỹ H1 đang bán đồ ăn vặt. Tại đây, Đ mượn điện thoại Oppo A83 của chị H1 để gọi cho bạn nhưng không liên lạc được, nên Đ nói chị H1 cho Đ mượn một thời gian rồi sẽ quay lại trả. Chị H1 có quen biết Đ nên đã đồng ý cho mượn điện thoại. Đ cầm điện thoại của chị H1 quay lại nhà bạn chơi đến 23 giờ thì về nhà ngủ. Đến sáng ngày 14/8/2021, Đ thấy cuộc gọi nhỡ trên điện thoại của chị H1 nên gọi lại thì gặp chị H1, chị H1 yêu cầu Đ mang điện thoại trả lại. Đ hứa mang trả cho chị nhưng sau đó không trả mà nảy sinh ý định chiếm đoạt, đem điện thoại của chị H1 đi cầm cố cho anh Nguyễn Văn N (là anh con bác

ruột) lấy tiền tiêu cài cá nhân. Gặp anh N, Đ nói *"Anh còn tiền không cho em gửi cái điện thoại để lấy 1.000.000 đồng tiêu ít bữa em lấy lại"*. Nghĩ là điện thoại của Đ nên N đồng ý cầm cố và đưa tiền cho Đ. Đến ngày 21/8/2021, Đ đem tiền trả lại anh N và lấy điện thoại về cất giữ. Ngày 23/8/2021, Đ không trả điện thoại cho chị H1 mà tiếp tục đem điện thoại nói trên đến cầm cố cho anh Nguyễn Đình T1 *(sinh năm 2004; ở tại tổ 10, phường Thủy Châu, thị xã T)* lấy số tiền 700.000 đồng sử dụng vào mục đích cá nhân.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 35/KL-HĐĐGTS ngày 22/9/2021, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện V kết luận: 01 (một) điện thoại di động hiệu Oppo, màu hồng tại thời điểm bị chiếm đoạt có giá trị 600.000 đồng.

Quá trình điều tra, Đ đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

* Vật chứng thu giữ:

- Xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX, màu đỏ-đen-xám, biển số 75H1-141.65 do Nguyễn Thị Đ Trang (vợ của Cái Văn P) giao nộp.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu hồng, số imei1: 869686030165613, số imei2: 869686030165605 do Nguyễn Đình T1 giao nộp.

* Xử lý vật chứng:

- Ngày 01/06/2021, Cơ quan CSĐT Công an thị xã T đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại xe mô tô Honda Wave RSX, màu đỏ-đen-xám, BKS 75H1-141.65 cho chủ sở hữu hợp pháp là ông Nguyễn Đức G.

- Ngày 18/10/2021, Cơ quan CSĐT Công an huyện V đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu hồng cho bị hại Nguyễn Thị Mỹ H1.

* Về trách nhiệm dân sự: Ông Nguyễn Đức G và chị Nguyễn Thị Mỹ H1 đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường gì.

Đối với các đối tượng khác có liên quan gồm: Phạm Văn C là người đã giúp Đ đưa xe mô tô chiếm đoạt của anh L đi cầm cố; Nguyễn Văn N và Nguyễn Đình T1 là người nhận cầm cố điện thoại Đ chiếm đoạt của chị H1. Do Nguyễn Duy Đ nói dối với anh C, anh N và anh T1 về nguồn gốc tài sản đem cầm cố là hợp pháp, nên không có cơ sở xử lý trách nhiệm hình sự đối với Phạm Văn C; Nguyễn Văn N và Nguyễn Đình T1.

Đối với hành vi nhận cầm cố xe của Cái Văn P từ anh C (theo lời khai của anh Phạm Văn C), quá trình điều tra, không tiến hành làm việc được với Cái Văn P do không có mặt ở địa phương, nhưng có căn cứ xác định khi cầm cố xe, anh P không biết xe anh C đem đi cầm cố do phạm tội mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh đã chuyển hồ sơ tài liệu liện quan đến Công an thành phố H để tiếp tục làm rõ, xử lý theo quy định của pháp luật.

Tại bản cáo trạng số 05/CT-VKS-P2 ngày 14/01/2022, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế đã truy tố bị cáo Nguyễn Duy Đ về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" theo điểm g khoản 2 Điều 175 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế giữ nguyên quan điểm truy tố. Sau khi phân tích đánh giá chứng cứ, xem xét tính chất, mức độ nghiêm trọng và hậu quả đối với hành vi của bị cáo; trên cơ sở xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như nhân thân của bị cáo đã đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Duy Đ về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản"; áp dụng điểm g khoản 2 Điều 175; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015, đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Duy Đ từ 02 (Hai) năm đến 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 11/10/2021.

*Về xử lý vật chứng:* Quá trình điều tra đã trả lại vật chứng thu giữ cho các chủ sở hữu, không có ai yêu cầu gì thêm nên không phải xem xét.

*Về trách nhiệm dân sự:* Ông Nguyễn Đức G và chị Nguyễn Thị Mỹ H1 đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường gì nên không xem xét.

Theo lời khai của anh Phạm Văn C là anh C đã đem xe mô tô 75H1-141.65 đi cầm với số tiền 3.000.000 đồng cho anh Cái Văn P. Quá trình xác minh, anh P không có mặt tại địa phương, đi đâu không rõ. Nếu sau này anh P có yêu cầu bồi thường thì anh P có thể khởi kiện bằng vụ án khác.

*Về án phí hình sự sơ thẩm:* Đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Các bị hại anh L, chị H1 và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông G và anh T1 đều có ý kiến đề nghị Hội đồng xét xử xem xét để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Đ.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo rất ăn năn, hối hận về hành vi phạm tội của mình, xin lỗi bị hại và mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo sớm trở về với gia đình, cải tạo để trở thành công dân có ích cho xã hội

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Thừa Thiên Huế; Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận: Trong các ngày 21/4/2021 và 13/8/2021, tại tỉnh Thừa Thiên Huế, cụ thể: Ngày 21/4/2021, tại quán C, thuộc phường L, thị xã T, tỉnh Thừa Thiên Huế Nguyễn Duy Đ đã có hành vi mượn của anh Nguyễn Đức L xe mô tô Honda Wave RSX biển kiểm soát 75H1-141.65 và ngày 13/8/2021, tại tổ dân phố T, thị trấn Đ, huyện V Đ mượn điện thoại Oppo A83 của chị Nguyễn Thị Mỹ H1 sau đó nảy sinh ý định chiếm đoạt, đem cầm cố lấy tiền sử dụng vào mục đích cá nhân. Tổng giá trị tài sản chiếm đoạt được trong các lần phạm tội là 8.007.000 đồng.

Xét lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra; phù hợp lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ việc lợi dụng lòng tin của người khác là cho mình mượn xe và điện thoại, sau đó dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện tội phạm.

Do bị cáo Nguyễn Duy Đ có 02 tiền án, cụ thể: Ngày 29/01/2018, bị Tòa án nhân dân thị xã T xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo bản án số 05/2018/HS-ST; Ngày 17/3/2020, bị Tòa án nhân dân thị xã T xử phạt 01 năm tù về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" theo bản án số 12/2020/HS-ST. Nguyễn Duy Đ đã bị áp dụng tình tiết "Tái phạm" tại bản án số 12/2020/HS-ST của Tòa án nhân dân thị xã T, nên lần phạm tội này bị cáo Đ bị áp dụng tình tiết định khung tăng nặng là "tái phạm nguy hiểm". Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế truy tố bị cáo Nguyễn Duy Đ về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015 và lời buộc tội của Kiểm sát viên tại phiên toà là có căn cứ, đúng người, đúng tội và phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Đánh giá tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo hộ và làm ảnh hưởng đến trật tự trị an tại địa phương. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm để giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

Bị cáo Nguyễn Duy Đ phạm tội 02 lần nên phạm vào tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự; Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, các bị hại anh L, chị H1 và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông G và anh T1 đều có ý kiến đề nghị HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Đ; do đó, bị cáo Đ được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015; sửa đổi bổ sung năm 2017.

[4] Về biện pháp chấp hành hình phạt: Xét tính chất, mức độ nguy hiểm và hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra; trên cơ sở xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như nhân thân của bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo Toàn có nhân thân rất xấu, đã từng bị xét xử nhiều lần về tội chiếm đoạt tài sản của người khác nhưng bị cáo không chịu rèn luyện tu dưỡng bản

thân mà vẫn tiếp tục phạm tội. Hội đồng xét xử xét thấy, cần phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian là điều cần thiết nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội và có tác dụng răn đe, phòng ngừa chung.

[5] Về xử lý vật chứng: Quá trình điều tra đã trả lại vật chứng thu giữ cho các chủ sở hữu, không có ai yêu cầu gì thêm nên không phải xem xét.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Ông Nguyễn Đức G và chị Nguyễn Thị Mỹ H1 đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường gì nên không xem xét.

Đối với anh Cái Văn P đã cầm cố xe với số tiền 3.000.000 đồng. Quá trình xác minh, anh P không có mặt tại địa phương, đi đâu không rõ. Nếu sau này anh P có yêu cầu bồi thường thì anh P có thể khởi kiện bằng vụ án khác.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm g khoản 2 Điều 175; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Duy Đ phạm tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản".

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Duy Đ 02 (Hai) năm tù; thời gian chấp hành hình phạt kể từ ngày bắt tạm giam 11/10/2021.

2. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án buộc bị cáo Nguyễn Duy Đ phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN** **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Triều Sơn** **Hoàng Thị Hảo Tâm** **Trần Hưng Bính**

**Nơi nhận:**
- *VKSND tỉnh TT-Huế;*
- *Công an tỉnh TT-Huế;*
- *Cục THADS tỉnh TT-Huế;*
- *Sở Tư pháp;*
- *Bị cáo;*
- *Bị hại;*
- *Người có QLNVLQ;*
- *Lưu HSVA.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Hưng Bính**